

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2017/HSST

Ngày: 26-12-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Doãn Văn Sáng

2. Bà Nguyễn Thị Lý

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thị Mến, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên thành phố Hải Phòng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 98/2017/HSST ngày 10 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Hà Hữu H, sinh năm 1988; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn 3, xã M, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Hà Văn L, sinh năm 1949 và bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1946; gia đình có 05 anh em, Hậu là con thứ 04; bị can chưa có vợ con; tiền sự, tiền sự: Không; Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú, từ ngày 27/5/2016. Có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Hà Hữu H bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên thành phố Hải Phòng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 22h ngày 26/5/2016 tại nơi ở của Đoàn Văn Hải Đ, sinh năm 1996 ở thôn 3, xã M, huyện T, thành phố Hải Phòng, công an huyện T bắt quả tang Nguyễn Văn D, Hà Văn X, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn H, Hà Hữu H, Nguyễn Văn B và Nguyễn Thế G đang có hành vi đánh “liêng” được thua bằng tiền, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 10.520.000 đồng; 01 chiếu nhựa; 01 bộ tú lơ khơ 52 lá bài đã qua sử dụng; thu giữ trong người Hải 600.000 đồng, Dũng 2.100.000 đồng, Xuân 3.140.000 đồng.

Trong quá trình bắt giữ, Nguyễn Văn Q chạy thoát. Ngày 28/5/2016 Quỳnh đến Công an huyện T đầu thú.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Văn D, Hà Văn X, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn H, Hà Hữu H, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thế G khai nhận: Khoảng 20h ngày 26/5/2016 Nguyễn Văn H, Hà Văn X, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn Q cùng Hoàng Văn T, Nguyễn Duy P đều sinh năm 1984 đến nhà Đường chơi. Tại đây H, X, B, Q rủ nhau đánh “liêng” được thua bằng tiền. X lấy 01 chiếu nhựa trải ra nền nhà, lấy 01 bộ tứ lơ khơ để cả nhóm đánh “liêng”. H, X, B, Q thống nhất cách đánh “liêng” như sau: mỗi người tham gia chơi phải bỏ ra mỗi ván 20.000 đồng gọi là tiền “chầu” ai muốn “tố” thì thêm tiền tố, không quy định mức “tố” cao nhất; quy định thứ tự ưu tiên thắng cược là “sáp” (có 03 lá bài giống nhau); “liêng” (có 03 lá bài liên tiếp nhau theo thứ tự); “ảnh” (có 03 lá bài có hình đầu người). Cách tính điểm nếu ai được “sáp” thì ngoài tiền chầu còn được từ những người chơi 50.000 đồng, được 100.000 đồng nếu được “sáp A”. Người nào thắng thì được hưởng hết số tiền trong ván của những người chơi. Số tiền sử dụng vào mục đích đánh “liêng” của H 1.700.000 đồng, X 3.190.000 đồng, B 1.450.000 đồng, Q 3.000.000 đồng; T, P không tham gia chơi mà ngồi xem. Cả nhóm chơi được vài ván thì có Nguyễn Văn D, Hà Hữu H, Nguyễn Thế G cùng Tô Tiên C, sinh năm 1982, Nguyễn Đức L, sinh năm 1984, Nguyễn Mạnh Q, sinh năm 1991, Nguyễn Văn H, sinh năm 1992, Hoàng Văn T, sinh năm 1976 lần lượt đến. Thấy H, X, B, Q chơi “liêng” được thua bằng tiền D, H, G cũng bỏ tiền ra chơi, D dùng 4520.000 đồng, H dùng 1.500.000 đồng, G dùng 1.000.000 đồng để đánh “liêng” Nguyễn Văn D, Hà Văn X, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn H, Hà Hữu H, Nguyễn Văn B và Nguyễn Thế G chơi được một ván đến khoảng 22h cùng ngày thì bị lực lượng công an bắt quả tang.

Tại Bản án số 152/2016/HSST ngày 22/9/2016 Tòa án nhân dân huyện T đã xử phạt Nguyễn Văn D, Hà Văn X, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thế G mỗi bị cáo 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 24 tháng về tội Đánh bạc. Trong gian đoạn truy tố, Hà Hữu H bỏ trốn, Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã và ra Quyết định tạm đình chỉ vụ án đối với bị can Hà Hữu H. Ngày 20/6/2017 Hà Hữu H đã đến Công an huyện T đầu thú. Tại cơ quan điều tra Hà Hữu H đã khai nhận hành vi của mình như trên.

Tại bản cáo trạng số 116/CT-VKS ngày 10 tháng 10 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên đã truy tố Hà Hữu H về tội Đánh bạc theo khoản 1, Điều 248 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Hà Hữu H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hà Hữu H phạm tội Đánh bạc theo khoản 1, Điều 248 Bộ luật hình sự. Và đề nghị

Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 248; Điểm p, h khoản 1 và khoản 2, Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Hà Hữu H từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo và giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; vật chứng trong vụ án: đã được xử lý tại Bản án số 152/2016/HSST ngày 22/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện T nên không đề cập giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo:

XÉT THẤY

Lời khai của bị cáo Hà Hữu H tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị cáo Nguyễn Văn D, Hà Văn X, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thế G, lời khai của người làm chứng, phù hợp với biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử, xét: Bị cáo Hà Hữu H đã cùng các bị cáo Nguyễn Văn D, Hà Văn X, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thế G đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh “liêng” được thua bằng tiền với số tiền H dùng vào việc đánh bạc là 1.500.000 đồng trong tổng số tiền 16.360.000 đồng thu giữ. Tại Bản án số 152/2016/HSST ngày 22/9/2016 Tòa án nhân dân huyện T đã xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn D, Hà Văn X, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thế G mỗi bị cáo 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 24 tháng về tội Đánh bạc, trong giai đoạn truy tố Hà Hữu H bỏ trốn. Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã và ra Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án đối với bị cáo Hà Hữu H, ngày 20/6/2017 Hà Hữu H đến cơ quan Công an huyện T đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vậy căn cứ lời khai của bị cáo H, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Hà Hữu H đã phạm tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1, Điều 248 Bộ luật hình sự.

Như vậy nội dung bản Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên tại phiên tòa truy tố bị cáo Hà Hữu H về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1, Điều 248 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội. Loại tội phạm này hiện nay có chiều hướng gia tăng, từ tội phạm này phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Vì vậy cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình, tính chất và mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo để quyết định hình phạt.

Xem xét đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, tính chất vụ án và quyết định hình phạt:

Xét bị cáo Hà Hữu H phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, lần phạm tội này là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong giai đoạn truy tố Hà Hữu H bỏ trốn và Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã bị cáo, nhưng đến ngày 20/6/2017 Hà Hữu H đã đến cơ quan Công an đầu thú đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm p, h, khoản 1 và khoản 2, Điều 46 Bộ luật Hình sự, nên Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt. Đây là vụ án đồng phạm, các bị cáo Nguyễn Văn D, Hà Văn X, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn B, Nguyễn Thế G và Hà Hữu H đều là người thực hành, tính chất đồng phạm giản đơn, vì vậy vai trò đồng phạm của bị cáo H ngang bằng với các bị cáo khác và đã được xác định tại Bản án số 152/2016/HSST ngày 22/9/2016. Từ những đánh giá trên, Hội đồng xét xử, xét thấy bị cáo Hà Hữu H có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, phạm tội ít nghiêm trọng, nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, nên hội đồng xét xử căn cứ Điều 60 Bộ luật hình sự xử cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật là đủ điều kiện để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 248 Bộ luật hình sự xét thấy bị cáo Hà Hữu H không có việc làm ổn định, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đã được xử lý tại Bản án số 152/2016/HSST ngày 22/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện T nên, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về án phí: Bị cáo Hà Hữu H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Hà Hữu H phạm tội Đánh bạc

Áp dụng khoản 1 Điều 248; Điểm p, h khoản 1 và khoản 2, Điều 46; Điều 60 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hà Hữu H 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Hà Hữu H về Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người đang chấp hành thời gian thử thách thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bị cáo Hà Hữu H phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Công an huyện T;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- PV 27 công an TP Hải Phòng.
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị SỰ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hưng Nguyễn Thị Huyền

Lê Thị Sự

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Công an huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo, Người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Sự

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Sự

Đào Hữu Dự Nguyễn Thị Huyền

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Công an huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo, Người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lê Thị Sự

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Hữu Dự Nguyễn Thị Huyền

Lê Thị Sự

H- ớng dẫn sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản h- ớng dẫn này đ- ợc soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 185, 224 và 307 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo h- ớng dẫn này đ- ợc sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những h- ớng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Tòa án quân sự khu vực, thì ghi Tòa án quân sự khu vực mấy Quân khu nào (ví dụ: Tòa án quân sự khu vực 1 quân khu 4); nếu là Tòa án quân sự quân khu thì ghi Tòa án quân sự quân khu nào (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô); nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung - ớng nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung - ớng thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án theo đúng tinh thần h- ớng dẫn của Chính phủ về cách ghi số văn bản (ví dụ: Bản án số 250/2004/HSST).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án đ-ợc xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay đ-ợc xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi nh- h- ớng dẫn tại điểm (1).

(5) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba ng-ời, thì chỉ ghi họ và tên của Thẩm phán chủ tọa phiên toà, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm chỉ ghi họ và tên của hai Hội thẩm; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm ng-ời, thì ghi họ và tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, họ và tên của Thẩm phán, họ và tên của cả ba Hội thẩm. Trong tr- ờng hợp bị cáo là ng-ời ch- a thành niên, thì nhất thiết phải ghi nghề nghiệp và nơi công tác của Hội thẩm. Trong tr- ờng hợp bị cáo là ng-ời thành niên, thì không nhất thiết phải ghi nghề nghiệp và nơi công tác của Hội thẩm nhân dân.

(6) Nếu Toà án nhân dân, thì ghi Hội thẩm nhân dân; nếu Toà án quân sự, thì ghi Hội thẩm quân nhân.

(7) Ghi họ và tên của Th- ký Toà án ghi biên bản phiên toà và tên của Toà án, nơi Th- ký Toà án công tác nh- h- ớng dẫn tại điểm (1).

(8) Ghi nh- h- ớng dẫn tại điểm (1), song đổi các chữ “Toà án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân” và “Toà án quân sự” thành “Viện kiểm sát quân sự”; nếu chỉ có một Kiểm sát viên tham gia phiên toà thì chỉ ghi họ và tên của Kiểm sát viên đó; nếu có hai Kiểm sát viên tham gia phiên toà thì phải ghi đầy đủ họ và tên của cả hai Kiểm sát viên đó.

(9) Trong tr- ờng hợp vụ án đ-ợc xét xử và kết thúc trong một ngày, thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 12 tháng 4 năm 2004...).

Trong tr- ờng hợp vụ án đ-ợc xét xử trong hai ngày trở lên, nếu số ngày t- ơng đối ít thì có thể ghi đủ số ngày (ví dụ: Trong các ngày 3, 4 và 5 tháng 7...); nếu số ngày nhiều liên nhau thì ghi từ ngày đến ngày (ví dụ: Trong các ngày từ ngày 3 đến ngày 7 tháng 7 năm...); nếu khác tháng mà xét xử liên tục thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Trong các ngày từ ngày 30-7 đến ngày 04-8 năm...), nếu không xét xử liên tục thì ghi các ngày của từng tháng (ví dụ: trong các ngày 29, 30, 31 tháng 7 và các ngày 03, 04 tháng 8 năm...).

(10) Ô thứ nhất ghi số thụ lý sơ thẩm vụ án, ô thứ hai ghi năm thụ lý vụ án theo đúng tinh thần h- ớng dẫn của Chính phủ về cách ghi số văn bản và sau đó ghi ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Vụ án hình sự thụ lý số 175/2004/HSST ngày 20 tháng 4 năm 2004).

(11) Ghi họ và tên bị cáo và các bí danh, tên th- ờng gọi khác (nếu có); nếu thấy đến năm phạm tội mà bị cáo mới 20 tuổi, thì nhất thiết phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh; nếu trên 20 tuổi thì có thể ghi năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký hộ khẩu th- ờng trú và nơi tạm trú. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội ch- a hết thời hạn đ-ợc coi là ch- a bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội ch- a đ-ợc xoá án.

(12) Ghi ngày bị cáo bị bắt tạm giam; nếu tr- ớc đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị tạm giam và ngày đ-ợc cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên toà thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên toà thì ghi “vắng mặt”.

(13) Nếu bị cáo nào có ng-ời đại diện hợp pháp thì ghi họ và tên của bị cáo đó (ví dụ: Ng-ời đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A).

(14) Sau chữ “là” ghi quan hệ nh- thể nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên toà thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên toà thì ghi “vắng mặt”.

(15) Nếu bị cáo nào có ng- ời bào chữa thì ghi họ và tên của bị cáo đó; sau chữ Ông (Bà) ghi họ và tên của ng- ời bào chữa; nếu ng- ời bào chữa là luật s- thì ghi luật s- của Văn phòng luật s- nào và thuộc Đoàn luật s- nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật s- Văn phòng luật s- Vạn Xuân thuộc Đoàn luật s- tỉnh H); nếu không phải là luật s- thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của ng- ời bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M); nếu có mặt tại phiên toà thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên toà thì ghi “vắng mặt”.

(16), (17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) Nếu có ng- ời nào tham gia tố tụng thì ghi họ và tên, tuổi, nơi c- trú của ng- ời đó. Trong tr- ờng hợp ng- ời bị hại là ng- ời bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là ng- ời ch- a thành niên, thì nhất thiết phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của ng- ời bị hại; nếu có mặt tại phiên toà thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên toà thì ghi “vắng mặt”.

(24) Nếu ng- ời bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, ng- ời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có ng- ời bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi họ và tên của họ theo thứ tự; sau chữ Ông (Bà) ghi họ và tên; nếu ng- ời bảo vệ quyền lợi của đ- ơng sự là luật s- thì ghi luật s- của Văn phòng luật s- nào và thuộc Đoàn luật s- nào; nếu không phải là luật s- thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của ng- ời bảo vệ quyền lợi cho đ- ơng sự; nếu có mặt tại phiên toà thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên toà thì ghi “vắng mặt”.

(25) Trong phần này, cần chú ý chỉ ghi các hành vi phạm tội của các bị cáo mà Viện kiểm sát truy tố trong nội dung của cáo trạng, những hành vi khác tuy có đ- ọc mô tả trong cáo trạng, nh- ng Viện kiểm sát không truy tố thì không ghi.

(26) Trong phần này chỉ ghi sự phân tích và đánh giá của Hội đồng xét xử bao gồm:

- Phân tích và đánh giá những vấn đề đã đ- ọc tranh tụng tại phiên toà;
- Phân tích những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội;
- Đánh giá bị cáo có phạm tội không và nếu bị cáo có phạm tội, thì phạm tội gì, theo khoản nào, điều nào của Bộ luật hình sự;
- Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo;
- Đánh giá thiệt hại và xác định trách nhiệm bồi th- ờng thiệt hại (nếu có);
- H- ớng giải quyết về xử lý vật chứng (nếu có).

(27) Trong phần này ghi các quyết định của Toà án và quyền kháng cáo đối với bản án nh- sau:

a. Tr- ờng hợp bị cáo có phạm tội:

- Tuyên bố bị cáo (các bị cáo)... phạm tội (các tội)... (bị cáo nào phạm tội nào thì ghi tội đó);
- áp dụng điểm... khoản... Điều... của Bộ luật hình sự; nếu có nhiều bị cáo phạm các tội khác nhau, thì ghi áp dụng điểm... khoản... Điều... của Bộ luật hình sự đối với bị cáo (các bị cáo)... và áp dụng điểm... khoản... Điều... của Bộ luật hình sự đối với bị cáo (các bị cáo)...;
- Xử phạt bị cáo... (ghi tên từng bị cáo và mức hình phạt). Tiếp đó ghi thời điểm để tính thời hạn chấp hành hình phạt; nếu cho bị cáo đ- ọc h- ớng án treo thì cần giao ng- ời đ- ọc h- ớng án treo cho cơ quan, tổ chức nơi ng- ời đó làm việc hoặc chính

quyền địa phương nơi người đó thường trú để giám sát và giáo dục. Trong trường hợp cần tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành hình phạt tù hình thì ghi: “tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án”.

- Việc bồi thường thiệt hại: Cần thiết phải ghi: áp dụng khoản... Điều... (tương ứng) của Bộ luật dân sự buộc...;

- Việc xử lý vật chứng (nếu có) cần theo quy định tại Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003;

- Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm;

- Quyền kháng cáo đối với bản án. Đối với bị cáo bị xử phạt tù hình thì cần ghi thêm: “nếu họ không kháng cáo, thì họ có quyền làm đơn gửi Chủ tịch nước xin ân giảm án tù hình trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày hết hạn kháng cáo”.

b. Trong trường hợp bị cáo không phạm tội:

Căn cứ vào khoản... Điều 107 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tuyên bố bị cáo không phạm tội;

- Giải quyết việc khôi phục danh dự, quyền và lợi ích hợp pháp của họ;

- Xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại (nếu có);

- Việc xử lý vật chứng (nếu có);

- Về án phí (nếu có);

- Quyền kháng cáo đối với bản án.

c. Nếu bị cáo bị tuyên hình phạt trục xuất, thì Hội đồng xét xử cũng phải tuyên cả thời gian bị cáo phải rời khỏi Việt Nam.

Phần cuối cùng của bản án, nếu là bản án gốc được thông qua tại phòng nghị án thì cần phải có đầy đủ chữ ký, họ và tên của các thành viên Hội đồng xét xử; nếu là bản án chính thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:

(Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao bản án theo quy định tại Điều 229 của Bộ luật tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án chính)

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ký tên và đóng dấu của Tòa án

(Họ và tên)